TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2017/DS-PT
Ngày: 26-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21, 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1960; Địa chỉ cư trú: Số nhà A, ấp B, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Trọng N (Đ), sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Số nhà H, khóm N, phường Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và anh N quen biết nhau thông qua việc anh N mua hoa kiểng của ông T. Vào ngày 13/9/2016, ông T có cho anh N vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất

0,5%/ ngày, thời hạn vay là 10 ngày để anh N mua cây kiểng đem bán cho anh Đặng Thanh T1. Việc cho vay không làm biên nhận, ông T giao tiền cho anh N tại nhà chị Nh 40.000.000đ còn 10.000.000đ trừ vào tiền anh N nợ mua bông giấy của ông T. Sau khi vay anh N không trả vốn và lãi cho ông T. Nay ông T yêu cầu anh N trả lại số tiền vốn vay là 50.000.000đ và lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 13/9/2016 đến nay là 2.500.000đ.

Bị đơn anh Ngô Trọng N trình bày:

Anh N quen biết ông T do có mua hoa kiểng của ông T nhưng không vay tiền của ông T như ông T trình bày. Nay anh N không đồng ý trả cho ông T số tiền 50.000.000đ và tiền lãi như ông T yêu cầu.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu anh Ngô Trọng N trả số tiền vốn vay là 50.000.000đ và lãi suất 0,75%/ tháng từ ngày 13/9/2016 đến nay là 2.500.000đ, tổng cộng 52.500.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 2.625.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.126.000đ ngày 29/11/2016 theo biên lai số 06270 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp 499.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 18/4/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu anh Ngô Trọng N (tự Đ) trả số tiền 50.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu anh Ngô Trọng N (tự Đ) trả số tiền 50.000.000 đồng.

+ Bị đơn anh Ngô Trọng N vẫn giữ nguyên ý kiến là anh không vay tiền của ông T nên không đồng ý trả số tiền 50.000.000đ.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T sửa bản án sơ thẩm buộc anh N trả cho ông T 50.000.000đ. Do ông T xuất trình chứng cứ chứng minh là đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa anh T1 và anh N nói về việc vay tiền của ông T và người làm chứng chị Nh chứng kiến việc cho vay tiền giữa ông T và anh N. Ngoài ra, anh T và ông H cũng có biết việc cho vay này nên đủ cơ sở xác định ông T có cho anh N vay 50.000.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T trình bày ông T vay của ông H 50.000.000đ để cho anh N vay việc cho anh N vay hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không viết biên nhận, nhưng có các nhân chứng biết đó là anh T1 người cung cấp đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh T1 và anh N về việc anh N vay tiền của ông T, ông H là người cho ông vay tiền để ông cho anh N vay và chị Nh là người chứng kiến việc ông giao tiền cho anh N. Theo anh T1 trình bày: anh biết việc ông T cho anh N vay 50.000.000đ vào ngày 13/9/2016 là do anh N đang chuẩn bị giao hàng (cây lộc vừng) cho anh T1 nhưng lúc đó anh N không có vốn nên có nhờ anh T1 gọi điện thoại cho ông T hỏi cho anh N vay của ông T 50.000.000đ để anh N mua hàng giao cho anh T1 nên anh T1 biết việc cho vay này. Ông T đồng ý nên anh điện thoại báo cho anh N biết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị Nh khai vào khoảng 10 giờ sáng ngày 13/9/2016 ông T đến nhà chị để mua bông. Sau đó, anh N cũng đến hai người ngồi tại bộ bàn ghế đá ở sảnh nhà chị. Chị chứng kiến ông T có giao cho anh N một cọc tiền tại bàn đá và anh N đếm tiền. Sau khi anh N đếm tiền xong thì chị nghe ông T nói với anh N là "xong hé, bốn mươi triệu đủ hé". Sau đó, ông T kêu anh N trả bớt 650.000đ tiền bông giấy nhưng anh N không có tiền lẻ mà đưa cho ông T 700.000đ nên ông T đi đến chỗ chị đổi 200.000đ nhưng chị chỉ có 180.000đ nên đưa cho ông T 180.000đ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H khai vào ngày 13/9/2016 ông T đến hỏi vay tiền của ông số tiền 50.000.000đ thời hạn vay từ 5 đến 10 ngày. Lúc hỏi vay xong ông T nói với ông H là vay dùm cho anh Đ (tức N) thì ông H nói với ông T ông cho ông Đ hay ông Tr gì vay ông không biết. Ông H chỉ biết ông T nên cho ông T vay. Sau khi giao tiền cho ông T thì ông thấy ông T lấy điện thoại gọi cho ông Đ đến lấy tiền. Ông T đợi một lúc lâu không thấy ông Đ đến lấy tiền nên ông T nói ông T đi về gặp rồi giao luôn.

[4] Anh N thừa nhận do anh còn nợ ông T hai khoản tiền 25.650.000đ và 3.040.000đ tiền mua bông giấy nên ngày 13/9/2016 ông T gọi điện đòi tiền và cả hai gặp nhau ở nhà chị Nh và ngồi ở bộ bàn ghế đá ở sảnh nhà. Sau khi nói chuyện xong ông T đồng ý cho anh N trả nợ phần tiền lẻ 650.000đ cho ông T. Phần tiền còn lại anh trả cho ông T hai lần, lần một khoảng hơn nửa tháng sau anh trả cho ông T 5.000.000đ lần hai cách lần một khoảng 20 đến 25 ngày anh trả tiếp 5.000.000đ tổng cộng 10.000.000đ. Vậy anh còn nợ ông T 15.000.000đ và 3.040.000đ tổng cộng 18.040.000đ ông T kiện đòi đã được Tòa án thành phố S giải quyết xong, chứ anh N không có vay tiền của ông T như ông T trình bày. Xét lời khai của anh N cho rằng trả cho ông T 10.000.000đ, nhưng ông T không thừa nhận. Ông T xác định: số tiền 10.000.000đ được ông lấy từ số tiền anh N vay 50.000.000đ để trừ vào tiền anh N nợ tiền mua bông. Vì nếu hai bên mua bán chỉ

nợ có hơn 20.000.000đ anh N đang trả nợ thì ông T không khởi kiện làm gì từ ngày 13/9/2016 trở về sau anh N không trả khoản tiền nào cho ông T. Do anh N vay 50.000.000đ nhưng không trả nên ông khởi kiện đòi cả tiền vay và tiền mua bán hoa kiểng. Ngoài ra, anh N cũng thừa nhận nội dung cuộc hội thoại giữa anh N với anh T1 có nói về việc vay tiền của ông T nhưng anh cho rằng nói về việc anh T1 vay tiền của ông T chứ không phải anh vay. Xét lời trình bày của anh N không được anh T1 và ông T thừa nhận. Anh N không xuất trình được chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình.

[5] Từ những phân tích trên, căn cứ lời khai của các nhân chứng cho thấy từ việc anh T1 hỏi dùm anh N để vay tiền của ông T đến việc ông T hỏi vay tiền của ông H. Sau đó, ông T đến nhà chị Nh để giao tiền cho anh N những lời khai này phù hợp với lời khai của ông T nên có đủ cơ sở chứng minh anh N vay của ông T 50.000.000đ. Vì vậy, xét kháng cáo của ông T yêu cầu anh N trả số tiền vay 50.000.000đ là có cơ sở đúng theo quy định tại các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự nên căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm. Xét bản án Dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T yêu cầu anh N trả 50.000.000đ là không có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Anh N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm do ông T xuất trình được chứng cứ chứng minh việc cho vay giữa ông với anh N là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với anh Ngô Trọng N.

2. Buộc anh Ngô Trọng N trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người bị thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất bằng 50%

mức lãi suất giới hạn theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 2.126.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 06270 ngày 29/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 13533 ngày 19/4/2017 là 200.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Anh Ngô Trọng N phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- Chi Cục THA DS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA, (Thương).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh